Ngày Xa ĐÀ NẴNG

HUY VĂN

Giấc ngủ êm, sâu, tưởng như rất dài, hóa ra chỉ được chừng 3 tiếng đồng hồ. Khi chị Quý đánh thức chúng tôi dậy thì mới 4 giờ sáng. Chị vừa giúp dọn dẹp ghế bố vừa nói:

- Ngày nào cũng vậy. Tới giờ này là tôi đã phải thức dậy để chuẩn bị cho công việc nên gọi mấy ông dậy luôn.

Nhìn tôi loay hoay xếp đồ đạc vào ba lô, chị nói thêm:

- Nghe nói dạo này xe đò về trong đó rất hiếm. Phải đi thật sớm mới được.

Qúy "đen" gật đầu:

- Bả nói đúng! Dậy sớm để đi sớm cho chắc ăn.

Chúng tôi vừa xong ly cà phê thì chị Qúy chìa một túi nhỏ cho tôi. Thấy tôi tỏ vẻ ngần ngại, chị cười:

- Chút đỉnh thôi mà! Hai gói xôi muối mè. Một nhúm thuốc lào. Đủ để khỏi tốn tiền dọc đường.

Tôi cảm động đến nghẹn lời vì sự tận tình của người vợ đối với cấp chỉ huy cũ của chồng mình. Vài lời cám ơn nói vội với chị Qúy khi ra cửa là tôi lên ngồi phía sau để người thuộc cấp cũ cắm cúi chở đi. Vừa đạp xe, Qúy "đen" vừa liền miệng nhắc tôi cẩn thận về mọi mặt.

- Tụi tui là lính trơn mà còn ná thở với bọn nó huống gì

ông là sĩ quan.

Qúy "đen" nói thật nhỏ như sợ có người nghe được dù con đường băng qua Chợ Cồn chỉ có lác đác vài thúng, hay gánh rau cải được bạn hàng lầm lũi mang ra chợ. Dưới ánh đèn đường nhá nhem, mọi người trông như những chiếc bóng mờ nhạt đang lướt trong khung cảnh im lắng của không gian còn ngái ngủ. Chẳng mấy chốc, chúng tôi ra tới đường Hùng Vương. Vừa quẹo phải để hướng về phía bến xe đò thì chúng tôi thấy trước mặt có hai dáng người với bị, túi, xách, khệ nệ trên người. Đến gần hơn thì chúng tôi mới nhận ra hai người phụ nữ đi cùng với một cháu nhỏ chừng 8, 9 tuổi đang bước trước họ.

Tôi vỗ lưng Qúy "đen" ra hiệu dừng xe.

- Hai chị đang đi đâu mà xách nặng quá vậy?

Tôi vừa hỏi vừa bước xuống đường. Một trong hai chị trả lời ngay:

- Chúng tôi đang trên đường tới bến xe để vào Hiệp Đức thật sớm.

Nghe nói vậy, Qúy "đen" nhanh miệng đáp ngay:

- Ông này mới từ trong đó về hôm qua đó chị.

Cả hai người đàn bà dừng chân cùng một lúc, trố mắt nhìn chiếc ba lô tôi còn để trên yên sau rồi nhìn tôi. Một chị hỏi:

- Anh cũng cải tạo trong đó hả?

- Thưa phải! Tôi ở trại 4. Mới được phóng thích hôm qua.

Trong khi Qúy "đen" bế cháu bé cho lên yên sau, máng giúp hai giỏ xách vào ghi đông, thì tôi đáp lời và kể vắn tắt chuyện trở ra Đà Nẵng vì muốn thăm lại thành phố và trao thư cho gia đình một người bạn, rồi tình cờ gặp lại đồng đội cũ thay vì chờ đón xe về ngay Sàigòn ngày hôm qua. Hai chị bây giờ mới biết tên là Thanh và Vân mừng rỡ hỏi han

đủ chuyện về các trại tù Hiệp Đức. Một người dắt con đi nuôi chồng, người kia thì thăm người yêu. Hai người đồng cảnh với tôi đều còn đang "trả nợ quỷ thần" ở một trại nào đó của Tổng Trại 1 thuộc Quân Khu 5 của cộng sản trong vùng núi Hiệp Đức.

- Chúng tôi ở tạm nhà một chị bạn trên đường Nguyễn Hoàng đêm hôm qua. Chị ấy cũng có chồng ở cùng trại với anh. Chị tên Vân nói khi chúng tôi bắt đầu bước đi.

- Chị ấy cho biết là có nhận thư của chồng - do một người bạn tù mới được thả về - mang tới trao tận tay chiều hôm qua. Tiếc là người bạn đó không trở lại.

- Hai chị đến căn nhà mang số 47 của chị Nhạn phải không?

Tôi ngắt lời chị Vân vì biết chắc không thể có một trùng hợp ngẫu nhiên nào khác.

- Không trở lại với chị Nhạn là vì tôi không thể phụ tấm lòng của gia đình anh bạn này. Chỉ vào Qúy "đen" tôi nói tiếp:

- Chúng tôi ở cùng một trung đội với nhau lúc còn trong Lính.

- Không ngờ lại gặp nhau ở đây!

Hai chị reo lên gần như một lượt và sau đó thì câu chuyện xoay quanh những sinh hoạt trong trại tù và tinh thần của anh em lúc gần đây cũng như những hoàn cảnh sống của những gia đình có người thân đang lâm vào vòng tù tội. Kẻ chiến thắng thoải mái trả thù bằng cách lùa những người đã tự động buông súng vào các trại lao động khổ sai với một lý do duy nhứt và cũng là một tội trạng duy nhứt. Đó là tội làm "ngụy quân, ngụy quyền", nhứt là chúng tôi những người đã cầm súng chiến đấu chống cộng sản trước đây, mà đã là Lính của VNCH thì ai cũng đều có "nợ máu" với nhân dân và phải chịu đọa đày về cả tinh thần lẫn thể chất. Một sự trả

thù hèn hạ và thâm độc vì người ngã ngựa bị đặt lên đầu vô số tội trạng để rồi lãnh án tù khổ sai không có thời hạn nhứt định ngoài câu *" Học tập tốt và lao động tốt thì sẽ được cho về sớm"*. Câu nói làm tôi suy nghĩ nát óc mà không thể tìm được câu trả lời vì rõ ràng tôi không có chút tiêu chuẩn nào đủ để áp dụng cho những lời tuyên bố «thời danh" đó. Thậm chí cũng không có tới một tấm giấy bảo lãnh của gia đình «cách mạng" như ba người bạn tù cùng được thả một lượt với tôi hôm qua. Chính họ cũng ngạc nhiên không kém và có lẽ đã nghĩ là tôi giấu họ về hoàn cảnh gia đình của mình không chừng. Nếu không phải là may mắn hi hữu thì tôi không biết gọi là gì. Phép lạ chăng?

Mãi nói chuyện nên quên đường dài. Chẳng mấy chốc mà đã đến bến xe Đà Nẵng. Nếu không có vòm sáng và số người tụ tập nơi quầy vé của khu vực xe đò liên tỉnh, thì bến bãi chỉ là một khoảng đất mênh mông, lạnh vắng, lờ mờ dưới ánh điện vàng võ. Chúng tôi bịn rịn chia tay với hai chị sau những lời chúc an lành và may mắn. Nhìn hai người phụ nữ dắt díu trẻ thơ và chấp nhận gian lao cùng cực mà thấy bùi ngùi cho tình nghĩa, thân phận và hoàn cảnh của những người mẹ, người vợ hay người yêu của Lính sau cuộc đổi đời. Nghĩ tới đoạn đường hai tiếng đồng hồ ngồi xe từ Thăng Bình vào Hiệp Đức với những lồi lõm, dằn xóc, sau đó lại thêm mấy cây số lội bộ, leo đồi, vượt dốc mà cảm thương cho tấm lòng và sự chung thủy của người vợ yêu chồng, người mẹ thương con. Những thân hình mảnh mai đó sẽ phải chịu đựng cơn nghiệt ngã đến bao giờ mới được đoàn tụ với người chồng, người cha, người con hay người yêu và sống lại thời khắc êm đềm trong hạnh phúc gia đình?!

- Mình qua bên kia đi anh!

Tiếng của Qúy "đen" lôi tôi ra khỏi dòng suy tưởng. Mặc dù phần còn lại của bến xe chỉ là một khoảng trống im lìm nằm trong vũng tối, chúng tôi vẫn bước lần qua những quầy bán vé không một bóng người. Cả hai chúng tôi không có đồng hồ trên tay nên không biết đã mấy giờ sáng. Chuyện vãn một hồi thì thấy bên bãi xe liên tỉnh đã có chuyến ra khỏi bến còn ngoài đường thì đã có thêm nhiều người qua, lại. Trong bến xe vẫn không có động tĩnh. Những sinh hoạt ồn ào, náo nhiệt rất quen thuộc của một bến xe đò đã nhường chỗ cho một sự vắng lặng rất khác thường. Chúng tôi lại đốt thuốc ngồi trầm ngâm. Tội nghiệp cho Qúy "đen" cứ quyến luyến không chịu trở về lo phụ với vợ dọn bàn ghế để mang ra chợ bày hàng cà phê lộ thiên. Nhắc anh chàng về bổn phận hằng ngày đối với vợ thì câu trả lời từ đêm qua đến giờ vẫn là:

- Ra chợ trễ một chút không sao đâu anh!

Nghe nói mà cảm động vô ngần. Câu " Huynh Đệ Chi Binh " không chỉ thắm thiết khi còn cầm súng trên tay hoặc chia nhau gian khổ trong tù ngục, mà chính ngay lúc này mới thấy tình nghĩa gói ghém trong bốn chữ đó thật là sâu sắc và ý nghĩa dường bao! Tôi nhiều lần hối thúc Qúy "đen" mau về nhà nhưng anh chàng luôn miệng nói *"Tôi ở với anh...tới cùng!"* Câu nói khẳng khái làm tôi nhớ những lần đụng trận trong Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Tín. Giữa lằn ranh của Sống, Chết và trong tiếng rít của tiếng đạn bay, lúc nào tôi cũng nghe sự quyết tâm *" Chơi tới cùng!"* của người lính Mũ Nâu trong trung đội mình. Trong khi Qúy "đen" và tôi dùng dằng như vậy thì có vài người chạy xe ôm lãng vãng vào bến và đến ngay thềm quầy bán vé - nơi chúng tôi đang ngồi - hồi nào không biết.

- Các anh chờ xe vào Nam phải không?

Chúng tôi chưa kịp trả lời thì một anh khác nói ngay:

- Xe đò lớn bị trưng dụng cả tuần nay rồi. Một số xe hàng cũng vậy.

Tôi nhìn qua Qúy "đen". Người thuộc cấp không giấu sự lúng túng:

- ...Mẹ! Tưởng đâu chỉ giảm bớt số lượng xe thôi. Ai dè chẳng có chiếc nào về trong đó cả! Dân lấy gì mà di chuyển đây!?

- Muốn có xe thì chỉ có nước ra ngã ba Huế, hay vào Miếu Bông đón thì may ra...

Nghe vậy, tôi nói ngay với Qúy "đen":

- Thôi mình chia tay ở đây nghe anh Qúy.

- Để tôi chở ông ra ngã ba Huế. Cũng đâu có xa.

- Tôi đi xe ôm được mà! Anh về nhà đi. Sáng bét rồi.

Tôi nói xong là vác ba lô bước vội ra cổng. Biết tôi đã nhứt quyết, người cựu khinh binh lặng lẽ dắt xe đi theo. Hai người xe ôm cũng kè sát bên tôi, lên tiếng mời mọc.

- Xe đò không rước khách ở Ngã ba Huế đâu. Phải ra Miếu Bông mới được. Vậy...

Tôi không trả lời họ mà vừa đi, vừa chú ý tới một người chạy xe ôm khác. Từ nãy giờ anh này vẫn im lặng giữ khoảng cách, không đon đã như hai anh kia. Khi chúng tôi ra đến đường lộ thì tôi từ giã Qúy "đen" mặc cho anh chàng nằng nặc đòi chở đi cho bằng được. Nhưng sau cùng thì người đồng đội cũ cũng phải nói lời bịn rịn chia tay, dặn dò đủ thứ rồi mới chịu đạp xe đi. Nhìn theo Qúy "đen" một hồi lâu rồi tôi mới đến bên người lái xe ôm từ nãy giờ vẫn đậu xa xa đó.

- Ra tới Miếu Bông anh lấy bao nhiêu?

- Ra ngã ba Huế cái đã! Người lái xe ôm có lẽ cũng xấp xỉ trung niên nói ngay. Nếu may mắn thì anh bắt xe ngay đó

không chừng.

Nghe nói vậy, tôi lên ngồi sau lưng anh ngay, quên cả hỏi giá tiền của cuốc xe. Vừa rồ ga chạy thì anh ngoái ra phía sau nói ngay:

- Ngã ba Huế thì gần đây thôi! Tôi giúp anh được mà!!

Tôi cảm động đến nghẹn lời, định hỏi tên hay bắt chuyện nói nhưng lại thôi vì anh có vẻ thầm lặng quá. Không biết anh là ai, làm gì trước đây, nhưng cung cách có vẻ rất điềm đạm như một người đã từng đứng trên bục giảng. Khi đến ngã ba Huế thì đường xá trống vắng lạ thường mặc dù đã tờ mờ sáng. Ngoài vài chiếc xe Lam thì trên đường lộ chỉ lác đác những xe gắn máy hay xe đạp lặng lẽ lăn bánh qua. Người đàn ông cho xe chạy chậm lại rồi nhìn qua ven đường và đoạn quốc lộ tại ngả ba Hòa Mỹ ở phía sau lưng rồi nói:

- Tôi nghĩ là mình nên ra Miếu Bông. Chỗ này chưa chắc xe đò chịu dừng lại đón khách đâu anh.

Tôi đồng ý. Anh sang số vọt ngay. Sáng tinh sương, dòng xe lác đác. Dưới ánh nắng ban mai, dường như quốc lộ 1 chỉ mới vươn vai khởi động. Tôi muốn tìm cách bắt chuyện với người người đàn ông đang chăm chú lái xe nhưng không tìm được cách nào cho có vẻ vừa lịch sự lại vừa không quá tò mò. Chợt nhớ là chưa hỏi anh sẽ tính công ra sao nên tôi chồm ra phía trước, hỏi:

- Xin cho biết...anh tính công bao nhiêu?

Người đàn ông đáp gọn:

- Lấy tượng trưng thôi! Tôi đã biết hoàn cảnh của anh từ khi mới gặp.

- Nhưng mà...

Tôi ngập ngừng chưa kịp nói tiếp thì anh đã ngắt lời:

- Anh đừng ngại. Coi như giúp nhau trong lúc khó khăn vậy mà.

Nói xong là anh lại im lặng còn tôi thì không biết phải làm sao để bắt chuyện. Người lái xe ôm này chắc chắn phải là một trí thức cũ đang nhẫn nhục sinh tồn sau cuộc đổi đời khắc nghiệt hoặc là nhân viên hành chánh trong một công sở nào nào đó không chừng. Vẻ điềm đạm và các ăn nói rõ ràng là của một công chức thời tự do, thạnh trị trước đây. Kẻ sĩ phải ẩn nhẫn sinh tồn trong khi đó thì loài mường mán tha hồ hạ đạp muôn dân, thượng tôn những quái thú từ Âu đến Á. Thật là đáng buồn làm sao khi phần đất tự do nay đã phải mang gông cùm cộng sản từ một năm qua! Tôi đang miên man suy tưởng thì có tiếng kèn rồi một chiếc xe đò lướt qua thật nhanh. Chiếc xe mang nhãn hiệu Thái Bình, hãng xe chạy đường Sài gòn- Phan Rí- Nha Trang thuở trước.

- Xe đò vào nam đó!

Anh lái xe ôm vừa nói vừa bóp kèn rồi tăng tốc độ vọt theo. Chiếc Suzuki 50cc gầm rú suốt một quãng đường nhưng không tài nào theo kịp. Tôi định ra hiệu cho anh tài xế bỏ cuộc thì đột nhiên chiếc xe đò rề rà tấp vào bên đường, nơi mà trước đây có một bãi đậu xe Lam để đón khách ngay cổng sau của phi trường Đà Nẵng. Xe dừng lại là vì đúng là họ bắt khách dọc đường vì đã có vài người đang lố nhố ngoắc, vẫy. Chúng tôi vừa đến nơi thì hai người trong đám đông cũng vừa bước lên xe.

- Xe này về tới đâu vậy?

Tôi vừa hỏi người lơ xe, vừa xách ba lô nhảy xuống đường, ngay khi xe sắp chuyển bánh.

- Chúng tôi đang chở bộ đội đi phép từ bắc về Ban Mê Thuột.

Anh lơ xe vừa liếc lên phía tài xế vừa trả lời tôi.

- Như vậy thì cho tôi về tới Ninh Hòa. Mấy anh lấy bao

nhiêu tiền?

Tôi đáp rồi hỏi ngay, trong đầu nghĩ tới việc về càng gần Sàigòn càng tốt. Người lơ xe nhìn tôi, anh ta còn đang chần chừ thì có tiếng người tài xế vọng xuống:

- Mày đưa ảnh ra phía sau. Ngồi đỡ ghế đẫu. Mau lên! Chỗ này không đậu được lâu!

Tôi theo chân lơ xe bước về phía cửa sau, vừa leo lên thì tôi mới chợt nhớ là chưa trả tiền cho cuốc xe ôm nên lật đật vừa móc đại một tấm giấy bạc vừa loay hoay định leo xuống trả tiền nhưng lơ thì đu ngay cửa và tài xế cũng vừa nhấp ga vọt nên chỉ đành nhìn bàn tay vẫy nhẹ và nụ cười đôn hậu của người đàn ông chạy xe ôm như thể anh vừa chúc lành cho tôi vừa ra dấu cho tôi biết là không cần phải lo chuyện trả công cho cuốc xe vừa qua. Tôi cứ lom khom ngoái nhìn phía sau một hồi lâu rồi mới ngồi xuống chiếc ghế đẩu. Chàng lơ xe kiên nhẫn chờ tôi hồi lâu, lúc đó mới chìa tay lấy tiền.

- Hai đồng rưỡi!

Anh ta nói xong là nhận tiền, bỏ túi, không thêm một lời nào khác. Lúc này nhìn quanh tôi mới nhận ra những màu áo kaki Nam Định ngồi đầy trên xe, còn ở giữa lối đi là một lô ghế đẩu dành cho khách dọc đường ngồi dài từ trước ra tới phía sau. Tôi ngồi ngay cửa lên xuống trước băng ghế sau cùng. Nhiều ánh mắt dò xét nhìn tôi chằm chằm. Đám bộ đội không biết tôi là ai, nhưng bộ đồ tôi mặc trên người đủ để họ đặt câu hỏi dù là bằng ánh mắt vì trên người tôi - từ đầu tới chân- chính là nguyên bộ đồ lính mà tân binh quân dịch thường mặc lúc mới vào quân trường. Nón lưỡi trai, giày bố và chiếc ba lô, tất cả đều mới toanh. Lúc này tôi không khác gì một tân binh với đầy đủ bộ sậu từ đầu tới chân, gồm nón lưỡi trai trên đầu và giày bố màu đen dưới

chân. Chắc chắn họ lấy từ kho quân nhu để cấp phát cho chúng tôi vì sau một năm khổ sai, mọi thứ mà tù tàn binh chúng tôi còn được trên mình là một bộ quần áo bạc thếch, vá víu nhiều nơi. Ba lô là để đựng một lon mỡ trừu, một kí gạo (để nấu ăn dọc đường!) và những vật dụng cá nhân mà người tù còn trân quý và gìn giữ cẩn thận trong suốt thời gian phá rừng, cuốc rẫy trên núi!

Những ánh mắt nhìn ngang liếc dọc một hồi cũng phát chán nên một lúc sau tôi được yên ổn chìm đắm trong suy tưởng của mình. Nhờ ngồi ngay cửa lên xuống xe nên dù tốc độ đã tăng khá nhanh, tôi vẫn nhìn thấy cảnh vật mà mới một năm trước vẫn còn sinh động trong nhịp thở của phần đất tự do mà tôi đã góp phần bảo vệ. Niềm cảm xúc đưa tôi trở lại những gì đã trải qua sau đúng 24 giờ hít thở không khí tạm bợ của "ngục tù bao la" hơn doanh trại trong Hiệp Đức. Ngày xa Đà Nẵng đã mang lại nhiều xúc động khôn cùng khi tình nghĩa của thời Chi Binh không hề suy suyển. Tôi chạnh nghĩ tới sự tốt bụng của người lái xe ôm đã không màng dành cuốc xe đầu tiên trong ngày cho một người mà chắc chắn anh đã đoán ra được thân phận. Xin chân thành cám ơn Đà Nẵng cùng với tình người và tình Lính vẫn keo sơn dù đang trải qua giai đoạn nghiệt ngã và đoạn trường nhứt của lịch sử miền Nam Việt Nam.

HUY VĂN
(Trên Đường Xuôi Nam)

Người khắc tên bia mộ

Tiên Sha.

1- Khoanh kín cuộc đời trong chiếc kén cô đơn lạnh lùng của ngày tháng thoi đưa, nhìn ông lão hiền lành ít nói, ngày ngày mải miết đục chạm trên mặt đá trắng, không ai có thể biết được ông đang nghĩ điều gì trong lòng. Dáng người xương xẩu khắc khổ, mái tóc muối nhiều hơn tiêu, lòa xòa phủ vầng trán rộng điểm nhiều vết nhăn. Ông mặc trên người bộ bà ba màu xanh chàm mộc mạc, xốc xếch, luôn mở phanh ngực áo để lộ vết xâm hình đầu cọp. Nhìn ông lặng lẽ làm việc, tôi không tìm ra ở nơi ông bất cứ đặc điểm gì để có thể nghĩ rằng ông là một nghệ nhân điêu khắc tài hoa, chẳng những vang danh khắp vùng quê hương Ngũ Hành Sơn mà còn đồn xa ra cả nước. Con người ông tất cả đều thật bình thường, duy chỉ cặp mắt là khác lạ. Có lúc lờ đờ mỏi mệt như người mất ngũ kinh niên; Có lúc mơ màng vô hồn như sống trong cõi hoang tưởng xa xăm, mơ hồ nào đó, Nhưng cũng có lúc từ hai hố mắt trũng sâu ấy bỗng phát xạ ra những tia sáng dữ dội, lạnh lẽo đầy hăm dọa. Ông là biểu hiện của một nghệ sĩ đam mê, một kẻ cuồng trí hay một tên tội phạm giết người? Đố ai biết được điều gì đã xảy ra cho cuộc đời ông. Chỉ biết ông tuổi chừng sáu mươi

nhưng người dân thì bảo ông chỉ mới năm mươi. Đau khổ, tuyệt vọng và hận thù đã đày đọa, làm quắt queo thân xác ông già đi trước tuổi. Người ta kể rằng ông đã có một quãng đời rong ruổi sóng gió. Ngày theo đơn vị về đóng quân ở đây, ông hãy còn thật trẻ. Ông là Thượng úy trong một đơn vị đặc công từng được gởi đi huấn luyện ở Nga.

2- Ngày tôi chuẩn bị về thăm Việt Nam, một người bạn cùng quê mời đến nhà chơi và đưa cho xem bức tượng điêu khắc hình một người con gái xõa tóc đang uốn mình trong vũ điệu, cao khoảng 18 inches bằng đá trắng Non Nước. Bạn tôi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Sau khi qua Mỹ, anh dành nhiều thời giờ học hỏi và nghiên cứu thêm về trường phái tạo hình, do vậy cái nhìn của anh thật bài bản và đầy tính nghệ thuật. Anh chỉ cho tôi thấy những đường nét sắc sảo, độc đáo và sáng tạo của người nghệ nhân khi khắc tượng. Từ nguồn cảm xúc rung động mãnh liệt đến sự suy tư sâu sắc của tâm hồn, cứ tưởng chỉ là một bước nhỏ nhưng kỳ thật là cả một thời gian dài mài luyện công phu giữa người nghệ sĩ và tác phẩm. Từ đó, công trình mỹ thuật tuy thoát thai từ căn bản vật thể nhưng cái cốt lõi chính vẫn là phần hồn sống động của con người, biến những đường nét điêu khắc thành một bức tượng linh động, kỳ ảo, đầy sinh khí và có sức sống riêng biệt, một sinh mệnh độc lập như là thật trong không gian ba chiều, đồng thời tạo được ấn tượng mạnh mẽ cho người thưởng lãm, sự xúc động nội tại sâu sắc khi chiêm ngưỡng tác phẩm. Đó là yêu cầu tuyệt đỉnh của nghệ thuật.Và đến lúc đạt được điều đó thì người nghệ sĩ đã thành công trong quy trình kiến tạo ra một con người sống ở trên một vật thể chết.

Sau khi giải thích khái quát, anh bạn ngỏ ý nhờ tôi về quê tìm đến chính người nghệ sĩ tài hoa ấy, đặt làm cho anh

một bức tượng khác, theo ý của anh. Người thợ điêu khắc đó đã được đời đặt cho một cái tên thật kỳ dị: Người khắc tên bia mộ.

Và đó là lý do tôi có mặt trên vùng đất Ngũ Hành Sơn để được nghe kể lại một câu chuyện tình thương tâm, bi phẫn của người nghệ sĩ lỗi lạc với cô gái mỹ miều, chơn chất quê hương Quảng Nam Đà Nẵng...

3- Sau ngày 30-4-1975, theo đơn vị về đóng quân ở đây, người Thượng úy trẻ có cơ hội rong chơi thăm quan các hang động kỳ ảo, huyền bí mà tạo hóa đã riêng dành cho vùng đất Non Nước. Thời gian rỗi rảnh, anh chăm chỉ học nghề tạc tượng với các nghệ nhân bản xứ hoặc khi trà dư tửu hậu, trải mối tâm tình của người thanh niên hiền hòa xa quê đã giúp ông san bằng những dị biệt, bất đồng, đố kỵ vốn sẵn có từ sau năm 75 của người dân hai miền Nam - Bắc. Ông đã tạo nên mối tình cảm thương mến đậm đà với dân làng địa phương. Người dân ở đây sẵn lòng chia xẻ ngọt bùi cùng ông. Họ xem ông như là một con người của chính quê hương nầy. Và cũng tại nơi đây, cuộc đời ông đã đi vào một khúc quanh định mệnh.

Núi đồi, thôn dã và thảo nguyên là mảnh đất ươm hạt mầm tình yêu của ông với một cô giáo làng hiền hậu đoan trang, con của một viên chức chế độ VNCH. Tình yêu của họ đằm thắm ngọt ngào, lớn dần theo với ngày tháng. Gia đình và bà con làng xóm hoan hỷ. Rồi một ngày họ quyết định kết nghĩa vợ chồng. Nhưng chuyện oái oăm của tình yêu đã chực chờ họ sẵn ở một ngả rẽ bất ngờ nhất.

Chiếm được miền Nam, bộ đội miền Bắc bị bắt buộc phải tuân theo những quy tắc, luật lệ nghiệt ngã của đảng, của nhà nước. Họ không được phép kết hôn với bất cứ ai có họ hàng, thân tộc dính líu đến chế độ miền Nam. Trong

trường hợp nầy người thượng úy trẻ cũng không ngoại lệ. Ông bất đồng với quan điểm hủ lậu,cực đoan ấy, quyết bảo vệ tình yêu đến cùng. Ông ra thẳng Hà Nội, đến Bộ Chính trị khiếu nại, lên tiếng đòi công lý... Trong trí nhớ ngu ngơ, mê muội của ông vẫn còn bồng bềnh thứ hào quang chống Mỹ cứu nước dưới bóng cờ quảng trường Ba Đình hay trong màn đêm tăm tối của hang Pắc Pó hoặc thăm thẳm hoang vu nơi rừng sâu Việt Bắc. Việc làm điên rồ của ông đã bị những kẻ cầm quyền từng một thời là đồng đội, là đồng chí thân thiết trong cuộc chiến, đánh giá như là sự bất tuân thượng lệnh hay nặng hơn, một sự phản bội. Ông bị tước đảng tịch đuổi ra khỏi quân đội, không có một quy chế hưởng đãi, một mảnh giấy chứng minh và cả một đồng xu dính túi. Công trạng của ông một sớm một chiều đã bị người ta quay lưng, cố tình lãng quên. Ông đâm ra phẫn chí, mang chứng trầm uất, biếng ăn mất ngũ. Nhưng rồi một ngày ông đã hiểu rõ sau khi nhớ lại tất cả những gì ông đã biết trước đây. Thì ra là vậy. Bạo quyền Xã hội Chủ nghĩa được xây dựng trên nòng súng và bằng sự dối trá mồm loa mép giải. Ông quyết định tiến hành đám cưới, bất chấp mọi hậu quả. Khách mời tham dự là bà con dân làng chất phác hiền lành, những nghệ sĩ điêu khắc tài hoa. Tuy đơn sơ, đạm bạc nhưng nồng nàn nghĩa tình và họ vẫn cảm thấy hạnh phúc tràn đầy. Sau ngày cưới, ông cởi bỏ bộ quần áo bộ đội miền Bắc thay vào đó chiếc áo dân dã, khởi đầu một cuộc sống tự do, kiếm miếng ăn bằng chính sức lực, khối óc và con tim của một tài nhân điêu khắc. Ông ở lại sống trên quê hương người vợ yêu quý.

Những tưởng từ nay tình yêu và quê hương nầy sẽ là bến bờ dừng chân cuối cùng để ông gởi thân suốt đời. Nhưng đảng cộng sản như một tên phù thủy độc ác, sai phái lũ nô

bộc tàn bạo say mùi máu tanh, dùng cường quyền bạo lực đeo bám trù dập vợ chồng ông, bắt trục xuất ra khỏi làng, đày đi vùng kinh tế mới. Ông nhặt nhạnh vài kỷ vật, mang theo một ít đồ dùng cần thiết rồi dắt díu vợ ra đi, lòng thản nhiên như đã biết trước rồi sự việc sẽ đến hồi như vậy. Ông không phản ứng lại bởi ông còn tình yêu, còn tha thiết sống. Ông không bao giờ muốn mình là thây ma chết oan khuất trong bóng đêm câm nín hay trong ngục tù tăm tối. Vợ chồng ông bắt đầu một cuộc sống mới. Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, trong nương ngoài rẫy, mưa nắng hai mùa vất vả, họ chỉ cầu được yên thân. Thế nhưng họ vẫn tiếp tục bị trù ếm ở vùng đất khỉ ho cò gáy nầy. Họ không được mua lương thực, phân bón, hạt giống theo giá phân phối, theo tiêu chuẩn ưu tiên dành cho di dân vùng khẩn hoang. Chưa hết. Mùa thu hoạch đầu tiên họ bị bắt phải đóng thuế không được miễn trừ theo qui định cho những gia đình sống năm đầu tiên trên đất kinh tế mới. Ông thắc mắc hỏi, người ta bảo chỉ làm theo lịnh. Tóm lại, họ bị trù dập trả thù hèn hạ bằng mọi cách bỉ ổi, trắng trợn nhất.

Đã có lúc ông nhớ về thuở rong ruổi ngang dọc trong vùng lửa đạn. Những năm tháng hao mòn cuộc đời trong trò chơi chiến tranh chết người nhưng ông vẫn thản nhiên thi hành nhiệm vụ, không mảy may bâng khuâng suy nghĩ đúng sai, phải trái. Ông cúi đầu tuân thủ mệnh lệnh, lao mình vào chiến trận như loài thiêu thân không sợ lửa. Ông mù quáng tôn sùng lãnh đạo, lãnh tụ như một giáo đồ cuồng tín, sẵn sàng da ngựa bọc thây để được ban phát hai chữ anh hùng. Ông không chịu tìm hiểu nên chẳng bao giờ ông hồ nghi gì về cái chủ nghĩa đểu cáng, mị dân kia. Ngược lại ông còn ra sức bảo vệ, biện bác cho cái chế độ bạo ngược, tham ô và bất công đó. Và than ơi! đến bây giờ thì đau đớn thay,

ông lại trở thành là nạn nhân của thứ hào quang ma mỵ, giả tạo mà suốt thời tuổi trẻ ông không màng đến an nguy bản thân, bán linh hồn để một lòng tận tụy cúc cung bảo vệ, vun bồi nó. Không trách gì lòng dân oán căm, ta thán. Mãi đến bây giờ ông mới chợt tỉnh và hiểu ra. Ông ước gì mình làm được, viết được như những người của đảng đứng lên chống đảng trị, đòi cải cách chế độ, canh tân đất nước. Đã có lúc phẫn uất điên cuồng, ông muốn liều mạng lao thân vào một cuộc đấu tranh để nói lên tiếng nói lương tâm lẻ phải dẫu biết rằng cuộc đối đầu nầy không cân sức, dẫu biết rằng đằng sau cái chủ nghĩa mà cả đời ông tôn thờ chỉ là nòng súng, là nhà tù. Ông có thể rục xương trong ngục tử hình, không một manh chiếu rách, một hố nông để vùi thây nhưng ít ra ông cũng được một lần gióng lên tiếng nói chính trực của nhân tâm, đòi hỏi công bằng cho người dân, cũng như bản thân ông được một lần sống thật với chính mình. Thế nhưng, khi nhìn những giọt nước mắt vắn dài của người đàn bà ông yêu thương đang thai nghén, ông lại thấy mềm lòng, phải bỏ cuộc. Cứ tự hỏi: rủi có mệnh hệ nào thì vợ con ông sẽ sống sao đây? Cả đời chưa hề biết mùi vị tình yêu là gì. Tám tuổi đã nhìn thấy chiến tranh; Mười tuổi đã bị học đường và xã hội nhồi nhét, đầu độc những ý tưởng hận thù; Mười ba tuổi đã bắt đầu tập làm quen với những thứ giết người; Đến tuổi mười bảy, bị bắt thảy vào chốn mịt mùng lửa đạn hận thù đầy bất trắc, bệnh tật và chết chóc. Trong tình thế bức bách cùng quẫn, bản năng sinh tồn bộc phát. Sau cuộc chiến, ông may mắn còn sống sót và trở thành anh hùng để bây giờ chợt hụt hẫng khi biết công sức mình chỉ là dã tràng xe cát. Do vậy khi bắt gặp tình yêu ông như tìm được một thứ của cải quý báu mà cả đời chưa hề có. Ông nâng niu yêu thương, sợ phải nghĩ đến chia ly và

tan vỡ. Nên chi chút can đảm còn rơi rớt lại sau cuộc chiến, ông đành cắn răng dành lại cho vợ con, cúi đầu nhắm mắt với lời an ủi: "nhẫn nhục để được sống". Ông ngoan ngoãn chịu đựng, cam lòng khổ cực với bát cơm độn khoai chan mắm cá đồng, lầm lũi vắt kiệt sức mình trên nương ngoài rẫy, không giao tiếp với bất cứ một ai. Thời gian còn lại ông dành tất cả cho tình yêu, hủ hỉ bên người vợ hiền lành yếu đuối, sắp đến ngày khai hoa nở nhụy, luôn cần đến ông.

4- Một buổi chiều, trời đang nắng bỗng nổi cơn dông thình lình. Mây đen cuồn cuộn, sấm chớp liên hồi. Ông bỏ dở công việc, bương bả về nhà. Xa xa nhìn thấy vợ bụng mang dạ chửa, đang gò lưng khó nhọc kéo những tấm phên tre ngổn ngang trên sân, dùng để phơi khoai mỳ làm lương thực dự trữ. Gió nổi lớn, căn nhà cất thơ sơ như lung lay xiêu vẹo. Ông vội vã rảo bước, vừa chạy vừa gọi lớn: "Anh về đây rồi, để đấy cho anh" Mưa bắt đầu rơi làm ướt tấm lưng trần đen đúa và những luống đất vừa mới cày vỡ. Ông không để ý gì đến trời và đất đang miên man giao hòa mưa gió mát mẻ. Vừa đến đầu ngõ chợt tai ông nghe một tiếng "bụp" chát chúa, khô khan và lạnh lẻo. Âm thanh nghe dường như quen thuộc lắm. Tiếp theo một tiếng thét lanh lảnh xé lòng "anh ơi". Vợ ông lảo đảo ngã quỵ. Ông chết điếng, phóng ào đến ôm vợ vào lòng. Mắt ông nhòa lệ pha lẫn mưa rơi. Một bàn chân đứt lìa, máu phun có vòi, vợ ông lả người trong vòng tay chồng. Ông cắn răng dằn cơn đau lòng, xé vội mảnh áo buộc vòng garrot cấp cứu tạm thời. Lác đác quanh đó vài người hàng xóm tốt bụng, nghe tiếng nổ đội mưa chạy đến đang phụ giúp đỡ. Vợ ông lập tức được bà con cáng ra trạm y tế xã. Ở đây thiếu phương tiện chữa trị cấp thời, họ chỉ chích một mũi thuốc khỏe và cầm máu rồi viết giấy giới thiệu ra huyện. Y tế huyện

cũng chẳng khá gì hơn, họ mướn xe chở đi bệnh viện tỉnh. Ba giờ sau, các bác sĩ phòng cấp cứu tỉnh khi xem xét vết thương và chẩn đoán, họ báo cho ông biết rằng nạn nhân được mang đến bệnh viện quá trễ. Vì mất quá nhiều máu và vết thương bị nhiễm trùng nên không hy vọng cứu sống, ngoại trừ trường hợp mổ cấp cứu để mang đứa bé ra ngoài trước thời hạn sinh nở rồi tiếp tục nuôi dưỡng bằng lồng kính nhân tạo. Cuối cùng họ khuyên ông nên quyết định gấp để kịp cứu đứa bé. Nghe bác sĩ nói, đầu óc ông lùng bùng như bị ngàn vạn tấn bom nổ phủ đè lên cùng một lúc. Ông ôm vợ nấc to nghẹn ngào, ngã quỵ xuống sàn bệnh viện. Và kể từ hôm đó, ông chẳng bao giờ có thể hồi sinh. Người đàn ông sống bồng bềnh trong mớ hỗn độn của thời gian, của kiếp nhân sinh dẫu rằng đã có một thời ông đội trên đầu, gánh trên lưng biết bao tang thương đổ vỡ, lần bước từ thế giới hỗn mang của chiến tranh để hòa mình vào vũ trụ ảo diệu lẫn điên đảo của loài người. Ông đã đánh mất ký ức. Trong bom đạn hiểm nghèo ông vẫn còn có cơ hội đứng dậy, nhưng bị người đồng chí cộng sản trù dập thì chẳng bao giờ ông có cơ may tồn tại trên đời.

Ngày ông trở lại nơi xảy ra thảm cảnh, nhìn dấu nổ, kinh nghiệm chiến trường khiến ông nhận ra ngay không phải do lựu đạn gây ra mà do một thứ mìn nhỏ tự chế chống cá nhân, chẳng biết ai đã âm mưu ném lẫn lộn trong đống khoai mỳ đang phơi dở dang. Chấm dứt chiến tranh rồi mà máu vẫn tiếp tục chảy, thây người vẫn nát tan và hận thù thì vẫn dai dẳng triền miên. Ông điên tiết nổi lửa đốt nhà, đốt tất cả những di vật của tình yêu còn sót lại, cả thực và mộng, cả quá khứ đau thương lẫn tương lai mờ mịt rồi lầm lũi bồng đứa con gái bất hạnh chưa ra đời đã mất mẹ, hình ảnh duy nhất còn sót lại của vợ, về sống nơi quê ngoại.

5- Kể từ đó dưới chân ngọn núi hùng vĩ nhất của cụm Ngũ Hành Sơn, bỗng mọc lên một túp lều đơn độc bên cạnh một ngôi mộ mới. Ngôi mộ nằm gối đầu lên núi, mặt hướng về biển cả mênh mông, ngày đêm nghe tiếng sóng thì thầm vỗ về, nghe tiếng rì rào của gió quê tình tự. Người thượng úy trẻ tuổi ngày xưa ôm trong lòng nỗi chán chường, thất vọng và hận thù chế độ, bây giờ đã biến thành một ông lão già nua trước tuổi. Sau cái tang của vợ, ông bỗng trở thành người câm điếc. Ông ở vậy âm thầm nuôi con bằng nghề điêu khắc cha truyền con nối của quê vợ. Và cũng từ đó quê hương "hang động thần tiên" bỗng vang lừng danh tiếng khắp nước tên tuổi một nghệ sĩ tài hoa lỗi lạc, tương truyền rằng tay nghề đã đến mức "xuất thần", đặc biệt là trong lĩnh vực tạc bia mộ cho người chết. Thiên hạ đồn rằng ông có linh tính siêu phàm tuyệt thế, quán triệt được vũ trụ càn khôn, thông suốt được lý lẽ âm dương tử sinh của người đời, nên sớm biết trước điều sắp xảy ra khi khắc tên kẻ còn sống lên trên bia đá. Đó chính là dấu hiệu báo động một sự tử vong. Bia mộ do chính tay tài nhân ấy chạm khắc bao giờ cũng phủ đầy âm khí, vương vấn ăm ắp linh hồn người chết chẳng khác chi lúc còn tại thế, nhất là trong những đêm trăng lặn sao mờ, người thân nhìn vào bia mộ như thấy phảng phất quanh đây nhân dáng người chết hiện về, nhởn nhơ cười cợt như thuở sinh tiền. Người dân quanh vùng cho đó là điềm kỳ lạ. Nhiều người biết rõ chuyện tình thương tâm bi hận của ông, họ rỉ tai truyền miệng bảo đó là do linh hồn tội lỗi không siêu thoát được của Lênin, Các-Mác, Mao trạch Đơng, Hồ chí Minh ... những tên cộng sản đầu sỏ trên thế giới đã nhập vào cho người thượng úy cái quyền lực được ban phát "sinh tử phù "đến bất cứ một đồng chí, đảng viên nào gian ác tham tàn bạo ngược. Đó như là

cách duy nhất để chuộc lại lỗi lầm to lớn của bầy tôi tớ đã đối xử tàn tệ, dã man với ông. Tên tuổi ông phút chốc bỗng nổi dậy như cồn, lan đi khắp nơi và được người đời phong tặng danh hiệu nghệ sĩ tài hoa bí ẩn với cái tên rùng rợn: "Người khắc tên bia mộ".

Cũng từ đó những tên lãnh đạo đảng, thủ trưởng công an, viện kiểm sát, tòa án... đã từng khủng bố dân lành, trước đây cũng như bây giờ; Những tay đảng viên, cán bộ thường kiếm cớ những nhiễu, bóc lột nhân dân bỗng nhiên trở thành những con cừu non ngoan ngoãn đối với ông. Chúng vờ vịt hiền lành và luôn luôn sợ sệt, quỵ lụy trước mặt cha con ông, không dám làm sai phạm một điều gì. Dân lành cũng nhờ vậy mà bớt đi đôi phần khổ đau, oan trái của kiếp người sống trong chế độ cộng sản hà khắc. Những tay đao thủ khét tiếng của chủ nghĩa mỵ dân vô sản, khi nào cũng nơm nớp lo âu, chẳng biết bao giờ thì ông nỗi hứng ban cho một "tấm bia tử vong".

Tiên Sha.

Quả Đạn Đại Bác 130 Ly Của Địch VÀ CHIẾC HỐ CÁ NHÂN

Nguyễn Trãi

Quốc lộ 14 nối liền thành phố Pleiku đi ngang qua Kontum và cuối cùng là Tân Cảnh thuộc quân Dakto. Từ Tân Cảnh có một ngả ba, một hướng đi về Quận Dakto, một hướng về căn cứ Benhet, căn cứ của lực lượng Biệt Động Quân Biên phòng trú đóng ngay sát ngả ba biên giới Việt Miên Lào.

Con đường từ ngã ba quốc Lộ 14 nối liền với Căn Cứ Benhet không còn là con đường trải nhựa nữa, mà là con đường đất lẫn đá gồ ghề dằn sốc, chiều ngang nhỏ hẹp chỉ vừa đủ cho hai xe chạy ngược chiều tránh nhau khó khăn lắm. Nó chạy ngang qua Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 42 Bộ Binh, trực thuộc Sư Đoàn 22, đang có nhiệm vụ hành quân, an ninh lảnh thổ, tiếp đến là Căn Cứ Phượng Hoàng, một căn cứ không lớn lắm nhưng có một sân bay đủ để máy bay C130 đáp xuống tiếp tế lương thực và quân trang vủ khí cho cả vùng. Con đường được tiếp nối đến Căn Cứ Hoả Lực Dakmot và sau cùng là Căn Cứ Benhet.

Căn cứ Dakmot nằm ngay trên một đỉnh đồi nhỏ, vì diện tích ngọn đồi hẹp cho nên buộc lòng phải để con đường chạy ngang chính giữa căn cứ và chia đôi pháo đội 105 ly của tôi ra làm hai, ba khẩu đại bác bên này đường và ba

khẩu bên kia đường. Một cây cầu sắt bắt ngang con sông dưới chân đồi, hai bên bờ sông vách núi đá cao và dòng nước chảy siết vào mùa mưa.

Tuy ngọn đồi nhỏ nhưng vách núi thẳng dốc, con đường phải quanh co hai vòng mới lên tới đỉnh đồi. Từng ba tháng một, các pháo đội trong Tiểu Đoàn của tôi phải luân phiên di chuyển từ Bồng Sơn, Tam Quan đến đây để tăng phái cho mặt trận phía bắc Kontum. Vì địa thế hiểm trở và vị trí súng trên cao cho nên tôi cũng yên tâm địch khó có thể tấn công bằng chiến thuật biển người. Bên ngoài vòng đai căn cứ hoả lực Pháo Binh này còn có một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng giữ an ninh.

Cứ mỗi chu kỳ ba tháng tăng phái một lần và rời Căn Cứ sau khi có Pháo Đội khác đến thay thế, ba tháng luôn mãi bên núi rừng buồn hiu quạnh với những tác xạ bất kể đêm hay ngày khi có yêu cầu của quân bạn. Ở đây cũng đúng nghĩa của "tiền đồn biên giới" vì không còn bao xa nữa là vùng Tam Biên ngả ba biên giới Việt Miên Lào, những chiều xuống mau, mây phủ ngay trên đỉnh đầu lòng thấy ""thấm thía chi lạ" cho nên chợt thấy: Núi sông ôm kín đời chinh chiến. Tiền đồn heo hút nặng gánh vai. Mây giăng trắng xoá mờ nhân ảo. Se sắc bên lòng một chí trai…."

Đêm nay có những dấu hiệu khác thường hơn mọi đêm, các đơn vị Địa Phương Quân xung quanh Quận Dakto nhiều lần chạm địch, hay có nhiều lần báo cáo nghe tiếng xe tăng chạy trong vùng, nhiều hướng khác các điểm phục kích của lính Bộ Binh Trung Đoàn 42, cũng như của Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù xin tác xạ nhiều lần, tôi đã liên tưởng tới một trận chiến ác liệt hơn.

Từ 10 giờ đêm Pháo Đội tôi đã phải tác xạ liên tục yểm trợ cho nhiều cánh quân một lúc, bao nhiêu lần đóng ở đây, tôi chưa bao giờ chứng kiến một sự yểm trợ liên tục nhiều giờ như thế này, các cánh quân đều chạm địch và cũng thấy

lo âu khi nghe báo cáo có tiếng xe tank chạy. Chừng quá nửa khuya, được nghỉ ngơi một chút thì đã sang ngày mới. Một ngày lịch sử và cũng là ngày cuối cùng trên vùng đất này cho đến hôm nay.

Bốn giờ sáng ngày 24 tháng 4 năm 1972 tất cả các khẩu đại bác đều nhả đạn liên tục không phải do yêu cầu tác xạ của Bộ chỉ Huy Trung Đoàn 42 mà là của Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn 22. Vì tình hình chiến sự tại đây nên Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Tiền Phương được di chuyển từ Quy Nhơn đến đặt ngay trong Trung Tâm Hành Quân của Trung Đoàn 42 sát ngay tại thị trấn Tân Cảnh.

Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn bị tấn công trực tiếp mà trong đó có đơn vị cấp cao của tôi cũng bị tấn công theo, đó là Pháo Binh Sư Đoàn, thế thì làm sao mà tôi không dồn hết sức mình để yểm trợ cho được. Căn cứ Hoả Lực Dakmot của tôi nằm cách Tân Cảnh 11 cây số, bắn yểm trợ xem như mút tầm, xử dụng thuốc nạp hết cỡ, và mỗi viên đạn rời khỏi nòng súng là mỗi sự gầm thét tung trời chát chúa, cả khẩu đại bác nhấc tung lên rồi rớt xuống do sự giật lùi của nòng súng. Bất cứ giá nào và bất cứ yêu cầu nào tôi cũng cố gắng thỏa mãn, tôi trưng dụng tất cả mọi người lính trong Pháo Đội dù họ không có nhiệm vụ tác xạ vẫn phải vác đạn, tháo đạn tiếp tế cho từng khẩu đội.

Các đường khương tuyến của các khẩu đại bác chắc cũng đã mòn đi khá nhiều rồi vì toàn là xử dụng thuốc nạp 7 là loại thuốc nạp tối đa, những người lính khá mệt mỏi, cả căn cứ được bao trùm bầu khói súng màu trắng đục rất khó thở. Các cánh quân bộ binh bên ngoài lần lượt không liên lạc được qua các Tiền Sát Viên Pháo Binh mà tôi yểm trợ trực tiếp, tuy nhiên cũng nhờ sự liên lạc chung trong cùng một hệ thống truyền tin cho nên tôi vẫn còn biết được giờ này tình hình ra sao, ai đang ở đâu trong căn cứ, ai đã bung được ra khỏi căn hầm chỉ huy của Trung Tâm Hành Quân.

Tôi bắt được liên lạc với một người Sĩ Quan liên lạc Pháo Binh Nhảy Dù, và tôi được lệnh bắn yểm trợ cho Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù đang trong vùng mà trước đây họ có súng đại bác riêng của họ, nhưng giờ thì không biết tại sao tôi phải quay qua yểm trợ cho Nhảy Dù, tôi đoán bên Sư Đoàn của tôi vì đã mất liên lạc cho nên phải dồn hỏa lực cho Nhảy Dù.

Người Sĩ Quan Liên Lạc Pháo Binh Nhảy Dù này sau khi nói chuyện trên hệ thống vô tuyến thì cả hai nhận ra nhau là cùng khóa 22 Pháo Binh. Sáu năm sau khi ra trường bây giờ mới được gặp lại trên hệ thống truyền tin, và nhất là đang trên trận chiến tối tăm mày mặt như thế này cho nên chỉ biết trong xúc động mừng mừng tủi tủi chưa kịp nói gì với nhau thì phải nhận điện văn xin tác xạ từ một Sĩ Quan Tiền Sát Viên (thông thường gọi là Sĩ Quan Đề Lô) Pháo Binh Nhảy Dù khác do anh ta điều hợp chuyển cho tôi.

Tiếng người Sĩ Quan Đề Lô oang oang trong máy với vẻ khẩn cấp hối hả lắm, tôi kiểm soát vị trí đứng của anh ta (toạ độ điểm đứng của Dề Lô) tôi thấy rất gần với toạ độ xin tác xạ, tuy nhiên vẫn còn có thể bắn được và tôi đang tin tưởng toạ độ xin tác xạ và toạ độ điểm đứng do anh ta chấm là chính xác.

Sau khi nhiều loạt đạn điều chỉnh, đến lúc bắn hiệu quả thì tôi cho ngưng tác xạ vì nó chỉ cách quân bạn không đầy 50 mét mà tầm sát hại của đạn 105 ly đã đủ để làm chết người. Tôi đích thân cầm máy liên lạc với Đề Lô: "tôi không thể bắn cho anh được nữa vì đã quá gần quân bạn"

Người Sĩ Quan Đề Lô trả lời trực tiếp trên hệ thống vô tuyến một cách rất dõng dạc và cương quyết: "Anh cứ bắn đi, bắn cho đến khi nào không còn nghe tôi nói nữa thì coi như tôi đã chết"

Tôi tưởng chừng như là chuyện huyền thoại trong phim xinê hay tôi nghe lầm, nhưng không, tôi đã thực sự xúc động và nghẹn lại trong vài giây, tôi nhắm hai mắt và như

trước mặt tôi cảnh tượng khủng khiếp sẽ phải xãy ra … Câu nói rất khí tiết và anh hùng của một Sĩ Quan Pháo Binh Nhảy Dù dù phải hy sinh để cứu đơn vị, và tôi tin chắc tình thế đang bị một đại đơn vị địch tràn ngập.

Tôi không còn một sự chọn lựa nào khác với những loạt đạn bắn hiệu quả này và hy vọng sẽ cứu được quân bạn, và cũng cầu xin thật an toàn cho sinh mạng của người Sĩ Quan Đề Lô này ….

Sau khi chấm dứt tác xạ, đích thân tôi cầm máy gọi danh xưng truyền tin của người Đề Lô, nhưng gọi bao nhiêu lần cũng không thấy trả lời. Tôi lặng người đi trong đôi phút và biết rằng anh đã gục xuống bởi chính những quả đạn đại bác của tôi mà do chính anh yêu cầu. TÔI ĐÃ GIẾT BẠN TÔI MẤT RỒI …

Cũng vào giờ phút này thì tôi không còn liên lạc được với bất cứ Tiền Sát Viên nào trên vùng cũng như các Trung Tâm Phối Hợp Hoả Lực của Trung Đoàn và Sư Đoàn. Tôi cảm thấy bơ vơ như "rắn mất đầu". Không biết trông cậy vào ai, đâu còn ai chỉ huy đơn vị tôi, ra lệnh cho tôi bắn yểm trợ nữa đây?

Trước đây chừng nữa giờ, tôi vẫn còn biết Vị Tư Lệnh Sư Đoàn Đại Tá Lê Đức Đạt, và cả vị Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn của tôi, Trung Tá Trịnh Lê Triển, một ông thày của tôi từ ngày mới ra trường về Ban Mê Thuột trình diện ông ta năm 1966, hai người đã thoát được ra ngoài căn hầm chìm dưới đất được gọi là Trung Tâm Hành Quân Tiền Phương Sư Đoàn trước khi chiếc xe tăng T54 của địch tràn vào.

Bây giờ im lặng và không còn bắn yểm trợ được nữa, tôi quay sang tần số của chiếc L19 đang quần quần trên bầu trời Tân Cảnh mà ở đây nhìn thấy được, họ báo động cho tôi biết những chiếc tank đang chĩa hướng về Căn Cứ Phượng Hoàng và cũng cùng hướng với căn cứ của tôi. Tôi nghĩ đến những khẩu M 72 đã trang bị sẵn cho Pháo Đội từ lâu.

Trên trời có hai chiếc phản lực đang trút những loạt bom xuống trong Căn Cứ Tân Cảnh, tôi nhìn thấy rõ những viên đạn phòng không bắn theo khi chiếc máy bay ngóc đầu bay vút lên. Một cuộn khói đen bay theo với chiếc máy bay, dường như đã trúng hoả tiễn tầm nhiệt SA7 thì phải? Cái không khí tang thương sẵn có càng thê lương hơn khi cuộn khói đen uốn lượn nhiều vòng trên bầu trời trước khi một cột lửa bùng phát kèm với tiếng nổ lớn, may mắn thay chiếc dù của người phi công cũng bung ra đúng lúc trước khi chiếc phi cơ rơi xuống đất.

Có một điều thông thường rằng bao giờ Cộng Quân tấn công một vị trí nào đó, chúng cũng pháo kích tới tấp vào căn cứ Pháo Binh trong tầm yểm trợ để khống chế làm vô hiệu hoá sự yểm trợ cho vị trí đang bị tấn công. Nhưng hôm nay rất đặc biệt, họ không pháo kích đơn vị Pháo Binh của tôi đang yểm trợ trực tiếp cho Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Sư Đoàn 22 trong suốt thời gian họ tấn công. Có lẽ họ khinh địch và cho rằng sự can thiệp của đơn vị của tôi không làm chùng bước tiến chăng?

Nhưng không, bây giờ họ bắt đầu quay sang tôi, cái gai phải nhổ tiếp trước khi thống lãnh một vùng đất. Đại bác 130 ly có tầm xa 18 cây số, họ đặt bên triền núi trước mặt tôi nghe rất rõ tiếng đạn rời khỏi nóng súng ngay sau khi nhìn thấy tia lửa chớp lên tại vị trí đặt súng, có nghĩa rằng thấy tia lửa phát ra từ chỗ đặt súng trước khi nghe tiếng đạn depart vì tốc độ ánh sáng đi nhanh hơn tốc độ tiếng động.

Nhìn thấy rõ vị trí đặt súng của địch qua ánh chớp lửa, biết được hướng đặt súng của địch, dân pháo binh chúng tôi đã xác định được toạ độ của địch nhờ phương giác và khoảng cách thế mà đành bó tay chỉ núp dưới mỗi hố cá nhân và nhìn cho vui. Địch quân đã sử dụng đại pháo 130 ly là cố tình vượt lên tầm xa của đại bác 105 và 155 ly của Quân Lực VNCH. Súng của chúng tôi chỉ bắn tối đa

11kilomét 100 thước mà thôi. Thấy nó mà không làm gì được nó thế mới ức cành hông.

Chỉ trông cậy vào máy bay oanh kích vị trí đặt pháo, nhưng giờ không có máy bay nào nữa, tôi lo cho số phận của 150 mạng người giờ đây biết phải làm gì khi hỏa lực của mình ngoài tầm tay.

Trong vòng một giờ đồng hồ căn cứ hoả lực Dakmot của tôi trở thành một đống bầy nhày hỗn độn, hai cây anten 292 bị gãy xuống hoàn toàn tê liệt không liên lạc được với ai, các căn hầm bị bung mái tung lên cao, Đài Tác Xạ là nơi xem như trung tâm hành quân của Căn Cứ cũng bị sập xuống trước sức công phá của đạn 130 ly. Tiền sát viên của địch chắc chắn áp rất sát căn cứ của tôi để quan sát và điều chỉnh mỗi loạt đạn rất chính xác nhất là mỗi khi thấy có người di chuyển trên mặt đất.

Cả một căn cứ thành bình địa, nhưng không có một pháo thủ nào bị thương hay bị chết vì nhờ tất cả đứng dưới hố cá nhân. Ai ai cũng phải đào một cái hố sâu tới cổ của mình khi đứng để còn tác xạ được khi địch tràn vào, chiều rộng vừa với mỗi một cơ thể đứng và xoay trở được, trên miệng hố một cây súng M16 và một cây M72 chống chiến xa là bửu bối tự vệ lúc bấy giờ.

Tôi len lõi trong một đường giao thông hào từ căn cứ của tôi đến chỗ đặt bản doanh Tiểu Đoàn Biệt Động Quân bảo vệ Căn Cứ. Đến nơi tôi mới biết ông Đại Uý Tiểu Đoàn Trưởng đã bị thương nơi cánh tay phải bởi một mảnh đạn pháo kích, người lính phụ tá còn đang băng vết thương. Đơn vị ông ta còn liên lạc được với Đại Đơn Vị của Ông ta là Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Căn Cứ Benhet bằng máy PRC 25. Ở đây vẫn chưa có lệnh lạc gì cho ông.

Tôi trở về căn cứ của tôi, vì thấy tình hình im lặng và cũng do đã đói bụng vì đã quá 4 giờ chiều mà từ sáng tới giờ chưa có ăn gì; tôi nhảy lên khỏi chiếc hố cá nhân được đào

gần Đài Tác Xạ sau lưng chiếc xe GMC (xe kéo súng) đậu tại đây để chạy bình acquy cho máy truyền tin đánh morse.

Tôi lên khỏi miệng hố và cất tiếng gọi lớn "nhà bếp" đem lương khô lên ăn tạm, trong khi anh Binh Nhất Nguyễn Văn An nhân viên Hỏa Đầu Vụ mang những bịch cơm sấy đến chỗ tôi thì tôi đã rời xa rồi vì phải đi kiểm soát lại các công sự phòng thủ và từng hố cá nhân của nhân viên.

Chỉ có bóng dáng hai người đang hiện diện trên mặt đất, tức thì đạn 130 ly bắt đầu rơi trở lại trên Căn Cứ. Từ khi nghe tiếng depart cho tới lúc đạn rơi trên mục tiêu cũng có thể ước chừng được bao nhiêu lâu nữa đạn sẽ nổ nên có đủ thời gian để nhảy xuống hố cá nhân khác, vì tôi đang xa lìa chỗ của tôi. Anh Binh Nhứt Nguyễn Văn An khi vừa đến ngay hố cá nhân của tôi thì nghe tiếng đạn của địch depart nên một phản xạ tự nhiên nhảy ngay xuống hố cá nhân của tôi dưới chân mình.

Loạt pháo kích vừa rồi cũng chỉ chừng 10 quả rớt lung tung trên mặt đất của Căn Cứ Hoả Lực, tất cả pháo thủ vẫn còn đứng yên dưới hố, và tôi cũng hy vọng và tin tưởng tuyệt đối rằng không ai bị chuyện gì về nhân mạng. Theo kinh nghiệm chiến trận và theo trong nhà trường thì quả đạn pháo kích nỏ trước miệng hố hay sau miệng hố theo chiều đạn đạo hình Parabol cũng sẽ tạt vế phía trước và sẽ không làm chết hay bị thương người đứng dưới hố.

Tôi vội vàng trở lại hố cá nhân của tôi thì thấy máu thị xương như bị bầm nhỏ giống như bầm tiết canh vịt, văng nắm lên vách thành xe GMC ngay đó (chiếc xe nằm ngay phía sau hố và là hướng tạt của lực theo chiều của đạn đạo. Tôi cúi xuống nhìn vào trong hố, chỉ còn là một đống thị bầy nhầy bầm nhỏ cùng với đôi giày trận còn nguyên. Anh Binh Nhứt An đã chết rồi và chết không toàn thây, tim tôi đập mạnh, xúc động vô vàn, Nguyễn Văn An đã vì tôi mà chết rồi, tôi ngẫn ngơ như người không có hồn, tôi kêu An

ơi, An ơi …..

Tôi lặng người đi và tưởng như trong mơ, tôi thực sự xúc động trước cái chết của người lính thuộc cấp chết thế cho mình. Cái số của tôi chưa tới số??? Điều gì đã khiến cho tôi rời cái hố? Một sự tình cờ xẩy ra hay có sự "sắp xếp của bàn tay vô hình nào đó??"

Tránh pháo kích địch một cách hiệu quả nhứt không gì bằng ẩn người trong hố cá nhân. Đạn rớt trước mặt hay sau lưng hố không bao giờ gây thiệt mạng. Chưa bao giờ tôi gặp một trường hợp đạn pháo kích rớt chính xác xuống miệng hố. Điều gì đã khiến tôi rời khỏi cái hố cá nhân của riêng tôi? Tim tôi đập mạnh hơn, tôi lặng người và TIẾC THƯƠNG CHO AN. Người đi trong cuộc chiến thường hay tin tưởng vào SỐ MẠNG, hay là TRỜI KÊU AI NGƯỜI ẤY DẠ, hoặc ĐẠN TRÁNH MÌNH CHỨ MÌNH KHÔNG THỂ TRÁNH ĐẠN.

Tâm tư tôi bị giao động mạnh khi nhìn xuống hố , không còn một thứ gì có thể nhận ra là con người, vì nó nát bấy như băm nhỏ, một viên đạn đại bác 130 ly làm sao có thể rớt ngay phóc vô một cái hố đường kính chỉ chừng năm mươi centimet. Nếu như lúc đạn đang bay trong không trung, tốc độ gió mạnh hơn, hay gió đổi chiều chỉ một chút cũng làm viện đạn lệch đi, hay người xạ thủ địch quân giật cò chậm hơn 1/50 giây cũng sẽ làm viên đạn lệch qua chổ khác vì sự quay của trái đất sẽ đổi chổ viên đạn rơi.

Nhiều yếu tố để khiến một viên đại bác rơi trúng đích, nhưng có điều gì đã khiên tôi bồn chồn đói bụng mà phải rời hố, để rồi một binh sĩ thuộc cấp chết thế mình. Tôi nhắm mắt lại và lặng người không dám nhìn vào đáy hố, nó chỉ còn rỏ nhất đôi giày trận của Binh Nhứt Nguyễn Văn An.

Trong nổi hụt hẫng kèm theo lo âu, chưa biết phải làm gì, từ Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn Biệt Động Quân bảo vệ Căn Cứ chuyển cho tôi một cái lệnh. Hệ thống truyền tin gần và

xa của đơn vị tôi coi như hoàn toàn tê liệt; chỉ còn duy nhứt đơn vị bảo vệ Căn Cứ của tôi là chổ dựa trong lúc này.

Lệnh của Trung Tướng Ngô Du, Tư Lệnh Quân Đoàn cho tôi "triệt thoái khỏi Căn Cứ đi về Trại BENHET ngay bây giờ". Thì ra vẫn còn có người nghĩ đến tôi, thực ra không phải nghĩ đến tôi mà nghĩ đến sáu khẩu đại bác cần đươc xử dụng

Tôi không liên lạc trực tiếp với Quân Đoàn, mà chỉ thi hành lệnh qua trung gian là Biệt Động Quân Quân Khu Ii. Pháo Binh của tôi mất tiêu hết đâu rồi, đâu còn xếp lớn xếp nhỏ gì để liên lạc.

Tôi trở lại Pháo đội và ra lệnh "cấp tốc di chuyển khỏi nơi này". Khi người Đề Lô địch thấy lố nhố người xuất hiện chạy đi chạy lại trên mặt đất thì họ bắt đầu khai hỏa trở lại, làm cho công việc chuẩn bị trở nên phức tạp hơn. Chỉ móc được 5 khẩu đại bác vào những chiếc GMC nào còn chạy được dù là bể bánh xe, hay bể kết nước. Phải bỏ lại một khẩu vì không còn kịp.

Nếu cố gắng kéo cho được 6 khẩu và đầy đủ phụ tùng thì tôi e sẽ có quân nhân trúng đạn pháo kích. Tôi quyết định tự tay tôi rút khối kích hoả của khẩu bỏ lại và ném ra xa, giấu đi làm vô hiệu không cho địch quân xử dụng khẩu đại bác này khi họ tràn ngập.

Tôi cất chiếc nón sắt ra khỏi đầu và cúi xuống nhìn cái hố, nơi có xác bầy nhầy bị băm nhỏ như chào vĩnh biệt Binh Nhứt Nguyễn Văn An. Đạn pháo kích địch vẫn tiếp tục rơi. Tôi chạy thiệt nhanh lại đoàn xe đang chờ và phóng hết ga về hướng Căn Cứ Ben Hét, một căn cứ đầu não của Biệt Động Quân Biên Phòng của vùng rừng núi Tam Biên. Đi về hướng BENHET tức là không về hướng đồng bằng mà càng tiến gần với ngả ba biên giới Việt Miên Lào.

Khi đến BENHET xong, tôi gặp người Trung Tá Biệt Động Quân, Căn Cứ Trưởng ông ta bảo tự bố trí phòng thủ

tạm và chờ sẽ có lệnh sau. Khi mặt trời khuất sau rặng núi, tôi quyết định dùng một chiếc GMC và lựa một toán lính gan dạ, lanh lẹ cùng tôi chạy trở lại Căn Cứ Dakmot để lấy khẩu đại bác bị bỏ lại. Vì tôi là người dấu khối kích hỏa, biết chỗ nên tôi phải đi, và tôi cùng đi thì binh sĩ sẽ lên tinh thần.

Địch quân không ngờ rằng có người trở lại nên không phản ứng kịp và chúng tôi đã hoàn thành công tác lấy được khẩu đại bác trở về Ben Het. Ở đây pháo đội không gióng hướng súng để tác xạ yểm trợ nữa, mà chỉ bắn trực xạ phòng thủ vị trí, vì đêm nào cũng nghe tiếng xích của xe tăng địch rú gầm xung quanh, cả Pháo đội thức bét con mắt để trông chừng mà trực xạ. Phải tới ngày thứ tư mới có trực thăng câu đại bác và nhân viên pháo đội tôi từ Benhet về Kon Tum.

Không phải Quân Đoàn thương tiếc đơn vị tôi mà cho trực thăng hai cánh quạt đến bốc chúng tôi, mà vì cả Sư Đoàn vừa bị tan hàng không còn một khẩu đại bác nào để tử thủ KonTum. Khi trực thăng đáp xuống là lúc đạn pháo kích bắt đầu rơi tới tấp, trực thăng không thể chờ mình được nên cũng liều mạng móc súng, đạn 105 ly và dụng cụ. Coi như chơi trò ú tim hên xui may rủi, nếu lỡ trúng đạn thì đành chịu.

Mỗi lần chỉ đáp được một trực thăng vì xuống một lúc dễ trúng đạn pháo kích. Có tất cả 10 chuyến thì xong hết đơn vị. Chỉ khi nào trực thăng lên đến độ cao an toàn thì mới biết mình thoát nạn.

Thời điểm này là lúc Cộng Quân Bắc Việt đang vây KonTum chỉ còn có cái lõm, trực thăng vừa đáp xuống thành Dapla là có dàn chào đạn của VC ngay. Bọn nó ở đâu sẵn và pháo kích liên tục, cái số của tôi may mắn nên không phải làm sao cả.

Những ngày gian khổ và nhiều nguy hiểm tại KonTum cũng qua đi khi có các đợn vị Pháo Binh của Sư Đoàn 23 đến được, mà chỉ đến bằng người, không thể mang theo

đại bác vì trực thăng không thể câu súng qua đèo ChuPao. Không biết do cái số còn hên có người thương nghĩ tới, đã truyền lệnh cho tôi từ Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn 23, ra lệnh tôi bàn giao tất cả súng đại bác lại cho nhân viên Pháo Binh Sư Đoàn 23 để chuẩn bị trực thăng vận về Pleiku nhận súng ở đó và tái phối trí.(Tôi là dân Pháo Binh Sư Đoàn 22)

Gia đình tôi từ quê cha sanh mẹ đẻ cho tới quê vợ không biết tin tức tôi ra sao trong hai tháng. Ba tôi chạy ngược chạy xuôi hết đi coi bói ông thầy này tới bà nọ để mong tin con. Cả một sư đoàn 22 và cả một Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn của tôi tan nát, cũng không còn biết tôi thì làm sao từ Nhatrang và Sài Gòn biết được.

Khi về đến Pleiku, đơn vị đã ổn định, tôi được đi phép đặc biệt về thăm nhà. Tất cả " gia tài" quân ngũ của tôi để lại tại Căn Cứ Đệ Đức Bồng Sơn, cũng bị tràn ngập, căn cứ mất, tôi cũng mất hết tất cả, nơi này có hai ông Tiểu Đoàn Trưởng và Tiểu Đoàn Phó tiểu đoàn cuả tôi cũng mất tích và chết sau đó. Tôi không còn đồ đạc gì nên cứ mặc quần áo trận lên xe đò về Nha trang.

Vừa ngồi lên xe đò nhỏ từ Qui Nhơn đi Nhatrang, một cô ngồi sát bên bảo "anh anh, anh mặc đồ này khi vô tới Hảo Sơn, Vũng Rô, tuị nó chận và bắt anh đó". Cô nói tiếp "để em đưa cái áo này cho anh mặc đỡ". Tôi nghĩ bụng "về tới đây còn gặp rắc rối". Thế là tôi cũng phải nghe lời cô ấy. Vừa mặc xong, một bàn tay của một người đàn ông đứng tuổi ngồi cạnh cô gái cho mượn áo cầm tay tôi mà không cần hỏi han giáo đầu chi hết "Có phải anh vừa thoát một đại nạn lớn lắm phải không? Tôi thấy anh thoát chết là do một người nào đó khuất mặt họ cứu anh". Tôi thấy đúng ở chỗ thoát đại nan, nhưng do ai cứu thì tôi không biết, tôi nghĩ thầm mà không trả lời.

Không lẽ ông này thấy tôi mặc đồ lính rồi đoán vậy, hay ông ta có bùa ngãi gì đây, tôi tự hỏi mà không dám thố lộ.

Ông ta tiếp "tôi nói thực cái mạng anh rất lớn, có một vong linh người Nữ theo cứu anh, chứ không thì anh không có ngồi đây". Tôi thấy đúng như trúng tim đen ở chổ may mắn thoát chết, nhưng mà ai đã cứu mạng tôi thì không biết. Và rồi tôi lẩm bẩm "cũng có thể lắm …."

Tôi về được tới nhà trong bất ngờ mà ba má tôi không hề biết. Mọi người đều khóc, khóc vì sung sướng tôi đã về bằng xương bằng thịt, mà có ông thầy bói nào nói với ba tôi là: "tôi không còn nữa, tan xác hết rồi". Cái cảnh xum họp này coi thật là cảm động, cả nhà vui mừng hẳn lên. Tối hôm đó sau khi cơm nước xong ba má tôi kể chuyện cho tôi nghe trong lúc có các cô chú cũng có mặt cùng nghe. Ba tôi kể rằng: "năm nào nhà mình cũng muớn mấy ông ngoài Bình Định cứ vào sau mùa gặt thì đào đất ruộng xung quanh nhà dùng xe cút kít đẩy đất lên bồi đất xung quanh nhà cho cao để trồng cây ăn trái. Họ ăn ngủ tại nhà mình và trả lương khoán. Khi nào làm xong hết việc thì họ đi nơi khác, làm bảy ngày một tuần tối ngủ ở đây, ba tôi vừa nói vừa chỉ chỗ ngủ của ông ấy.

Có một buổi tối nọ sau khi ăn xong như thường lệ, cũng ngồi nói chuyện bâng quơ thì bỗng nhiên ông ta bụm hai bàn tay rồi vuốt mặt, thả tay ra thì thấy mặt đỏ rần như Trương Phi. Ông ta rung người lắc lắc đầu mấy cái rồi nhìn thẳng vào mặt ba tôi mà nói: "Sao nhà Ngươi đẻ ta ra mà bỏ, không ngó ngàng gì tới? Nhà ngươi có còn nhớ vào một buổi sáng chừng tám chín giờ đẻ ta ở gốc keo rồi chôn ở đó không? Nhà Ngươi không có đặt tên, không có bàn thờ cho ta. Nhưng giờ ta không còn ở đây nữa, ta ở trên cao lắm, Ta có hai người anh đang trong nguy hiểm, và chính ta đã cứu một người anh đó. Ba Má tôi rợn tóc gáy rất là sợ, vì sao ông này nói trúng y chang sự việc mà ông ta không là người trong gia đình, ông ta không thể nào biết được chuyện riêng tư này đã xảy ra mấy chục năm trước. (chuyện cái bào thai bị sẩy)

Ba Má tôi nhớ lại, vào một buổi sáng, má tôi đi tiểu ngoài hàng rào keo cách xa nhà chừng vài chục thước sát bờ ruộng; trong lúc bà mang thai ba tháng. Bà đã để lọt cái thai ra ngoài, coi như sẩy thai, ba tôi vội lấy cái nồi gọ bằng đất, một loại nồi nhỏ chỉ nấu cơm cho một người ăn, bỏ cái thai trong đó và đem chôn cũng ngay gốc cây keo bà vừa tiểu.

Vì Ba tôi nghĩ rằng cái thai mới có ba tháng, còn quá nhỏ nên không quan tâm, và không hề quan tâm đến nữa. Đó là đứa em gái kế tôi. Chuyện đã mấy chục năm, nay được một ông lạ hoắc kể ra, làm sao không làm kinh ngạc mọi người. Sau đó Ba Má tôi làm một cái "tran" để thờ đứa nhỏ mà không để chung với bàn thờ chính giữa nhà thờ Ông Bà và đặt tên cho nó.

Em Gái tôi nói lúc nào cũng theo sát tôi để phù hộ độ mạng khi xảy ra nguy hiểm. Tôi nghe kể lại cũng thấy rợn da gà và liên tưởng tới Căn Cứ Dakmot.

Tôi nhớ đến hình ảnh Nguyễn Văn An đã thế chỗ hố cá nhân của tôi để rồi thịt xương bị nổ tung và bằm như tiết canh vịt. Tôi thở ra và nghĩ không ngờ vẫn còn có thế giới vô hình đâu đây. Tôi không biết phải làm gì với em gái tôi để gọi rằng đền ơn cứu mạng tôi. Và từ đó tôi rất tin CON NGƯỜI TA CHẾT ĐI VẪN CÒN LINH HỒN. Cũng như tôi tin CON NGƯỜI TA SỐNG CHẾT ĐỀU CÓ SỐ.

Nguyễn Trãi